

KHOA XÉT NGHIỆM –
CDHA & TDCN

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 285 / KSBT – XN-CDHA&TDCN.



1. Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP SUỐI DẦU**
2. Địa chỉ: KCN Suối Dầu - Suối Tân - Cam Lâm - Khánh Hòa
3. Mã số mẫu: 18820HNHD
4. Loại mẫu: Nước đã xử lý
5. Vị trí lấy mẫu: Tại nhà máy
6. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa PE
7. Người gửi mẫu: /
8. Ngày lấy mẫu: 16/3/2020
9. Ngày nhận mẫu: 16/3/2020
10. Thời gian kiểm nghiệm: 16/3/2020 đến 20/3/2020
11. Ngày hẹn trả kết quả: 30/3/2020
12. Kết quả kiểm nghiệm: xem trang 2/2

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 3 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

Ths. Trương Thị Lan Anh

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Nam Quân

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc trung tâm
- Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng
- Để biết thêm thông tin, xin liên hệ: Khoa Xét nghiệm – CDHA & TDCN, địa chỉ: 04 Quang Trung – Nha Trang – Khánh Hòa. Điện thoại: 02583560811.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu/Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	Giới hạn cho phép ^(***)
1	Màu sắc (TCU) ^(*)	HACH 8025:2014	KPH	≤15
2	Mùi vị	Cảm quan	KPH	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục (NTU) ^(*)	TCVN 6184:2008	3,84	≤ 2
4	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	7,53	Trong khoảng 6,5-8,5
5	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	TCVN 6186:1996	0,6	≤ 2
6	Hàm lượng Clorua (mg/l)	TCVN 6194:1996	21,3	≤ 250
7	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (mg/l)	TCVN 6224:1996	6	≤ 300
8	Hàm lượng Nitrit (mg/l)	HACH 8507:2015	0,009	≤ 3
9	Hàm lượng Nitrat (mg/l)	HACH 8039:2014	2,6	≤ 50
10	Hàm lượng Sunphát (mg/l)	HACH 8051:2014	1	≤ 250
11	Hàm lượng Mangan tổng số (mg/l)	HACH 8149:2014	0,008	≤ 0,3
12	Hàm lượng Clo dư (mg/l)	HACH 8021:2014	0,6	Trong khoảng 0,3-0,5
13	Hàm lượng Sắt tổng số (Fe ²⁺ +Fe ³⁺) (mg/l)	HACH 8147:2014	0,043	≤ 0,3

Ghi chú:

KPH: không phát hiện

^(*): Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

^(**): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ

^(***): Giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống (QCVN 01 : 2009/BYT)

KHOA XÉT NGHIỆM –
CDHA & TDCN

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 275 / KSBT – XN-CDHA&TDCN.



VILAS 1092

1. Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP SUỐI DẦU**
2. Địa chỉ: **KCN Suối Dầu - Suối Tân - Cam Lâm - Khánh Hòa**
3. Mã số mẫu: **18720VSNHĐ**
4. Loại mẫu: **Nước đã xử lý**
5. Vị trí lấy mẫu: **Tại nhà máy**
6. Mô tả mẫu: **Mẫu đựng trong chai thủy tinh vô khuẩn**
7. Người gửi mẫu: **/**
8. Ngày lấy mẫu: **16/3/2020**
9. Ngày nhận mẫu: **16/3/2020**
10. Thời gian kiểm nghiệm: **16/3/2020 đến 18/3/2020**
11. Ngày hẹn trả kết quả: **30/3/2020**
12. Kết quả kiểm nghiệm: **xem trang 2/2**

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 3 năm 2020.

TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC

Ths. Trương Thị Lan Anh



Huỳnh Văn Đồng

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm.
- Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.
- Để biết thêm thông tin, xin liên hệ: Khoa Xét nghiệm – CDHA & TDCN, địa chỉ: 04 Quang Trung – Nha Trang – Khánh Hòa. Điện thoại: 02583560811



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	TÊN CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM	GIỚI HẠN CHO PHÉP(**) / 100ml	KẾT QUẢ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	Tổng số Coliforms(*)	0	< 1	TCVN 6187-2:1996
2	E.coli(*)	0	< 1	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú:

(*) : Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

(**) : Giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dùng ăn uống (QCVN 01 : 2009/BYT)

Kết quả: “< 1” nghĩa là không có sự hiện diện của vi khuẩn trong mẫu nước

KHOA XÉT NGHIỆM –
CDHA & TDCN

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 31..... / KSBT – XN-CDHA&TDCN.



1. Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP SUỐI DẦU**
2. Địa chỉ: **KCN Suối Dầu - Suối Tân - Cam Lâm - Khánh Hòa**
3. Mã số mẫu: **22420VSNHD**
4. Loại mẫu: **Nước đã xử lý**
5. Vị trí lấy mẫu: **Tại nhà máy**
6. Mô tả mẫu: **Mẫu đựng trong chai thủy tinh vô khuẩn**
7. Người gửi mẫu: **/**
8. Ngày lấy mẫu: **23/3/2020**
9. Ngày nhận mẫu: **23/3/2020**
10. Thời gian kiểm nghiệm: **23/3/2020 đến 27/3/2020**
11. Ngày hẹn trả kết quả: **06/4/2020**
12. Kết quả kiểm nghiệm: **xem trang 2/2**

Khánh Hòa, ngày 04 tháng 4 năm 2020.

TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC

Ths. Trương Thị Lan Anh



Huỳnh Văn Đông

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm.
- Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.
- Để biết thêm thông tin, xin liên hệ: Khoa Xét nghiệm – CDHA & TDCN, địa chỉ: 04 Quang Trung – Nha Trang – Khánh Hòa. Điện thoại: 02583560811



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

	TÊN CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM	GIỚI HẠN CHO PHÉP(**) / 100ml	KẾT QUẢ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	Tổng số Coliforms ^(*)	0	< 1	TCVN 6187-2:1996
2	E.coli ^(*)	0	< 1	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú:

^(*) : Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

^(**) : Giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dùng ăn uống (QCVN 01 : 2009/BYT)

Kết quả: “< 1” nghĩa là không có sự hiện diện của vi khuẩn trong mẫu nước

KHOA XÉT NGHIỆM –
CDHA & TDCN

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 310 / KSBT – XN-CDHA&TDCN.



1. Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP SUỐI DẦU**
2. Địa chỉ: **KCN Suối Dầu - Suối Tân - Cam Lâm - Khánh Hòa**
3. Mã số mẫu: **22220HNHD**
4. Loại mẫu: **Nước đã xử lý**
5. Vị trí lấy mẫu: **Tại nhà máy**
6. Mô tả mẫu: **Mẫu đựng trong chai nhựa PE**
7. Người gửi mẫu: **/**
8. Ngày lấy mẫu: **23/3/2020**
9. Ngày nhận mẫu: **23/3/2020**
10. Thời gian kiểm nghiệm: **23/3/2020 đến 26/3/2020**
11. Ngày hẹn trả kết quả: **06/4/2020**
12. Kết quả kiểm nghiệm: **xem trang 2/2**

Khánh Hòa, ngày 01 tháng 4 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

Ths. Trương Thị Lan Anh

GIÁM ĐỐC



Huỳnh Văn Đồng

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc trung tâm
- Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng
- Để biết thêm thông tin, xin liên hệ: Khoa Xét nghiệm – CDHA & TDCN, địa chỉ: 04 Quang Trung – Nha Trang – Khánh Hòa. Điện thoại: 02583560811.



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

	Chỉ tiêu/Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	Giới hạn cho phép ^(***)
1	Màu sắc (TCU) ^(*)	HACH 8025:2014	KPH	≤15
2	Mùi vị	Cảm quan	KPH	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục (NTU) ^(*)	TCVN 6184:2008	1,66	≤ 2
4	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	7,75	Trong khoảng 6,5-8,5
5	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	TCVN 6186:1996	0,6	≤ 2
6	Hàm lượng Clorua (mg/l)	TCVN 6194:1996	17,8	≤ 250
7	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (mg/l)	TCVN 6224:1996	8	≤ 300
8	Hàm lượng Nitrit (mg/l)	HACH 8507:2015	0,007	≤ 3
9	Hàm lượng Nitrat (mg/l)	HACH 8039:2014	1,8	≤ 50
10	Hàm lượng Sunphát (mg/l)	HACH 8051:2014	KPH	≤ 250
11	Hàm lượng Mangan tổng số (mg/l)	HACH 8149:2014	0,013	≤ 0,3
12	Hàm lượng Clo dư (mg/l)	HACH 8021:2014	0,4	Trong khoảng 0,3-0,5
13	Hàm lượng Sắt tổng số (Fe ²⁺ +Fe ³⁺) (mg/l)	HACH 8147:2014	0,005	≤ 0,3

Ghi chú:

KPH: không phát hiện

^(*): Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

^(**): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ

^(***): Giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống (QCVN 01 : 2009/BYT)